TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Trương Hoài Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 378/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Dương Hoàng Đ**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Lô 10 – C9, hẻm 90, đường NB.K, phường V.Q, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lê Ngọc Khánh L**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: số 29/19, đường C.L, phường V.B, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Dương Hoàng Đ trình bày: Anh và chị Lê Ngọc Khánh L tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào ngày 16/12/2017 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Hai người bắt đầu mâu thuẫn từ ngày 13/3/2018 và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh và chị L thường xảy ra mâu thuẫn từ tháng 3/2018, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, việc

quản lý tài sản chung nên hai người thường xuyên cự cãi, đôi lúc xảy ra xô xát. Anh đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Không có, hiện nay chị L không có mang thai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung, để hai người tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – chị Lê Ngọc Khánh L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ, chị không tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – anh Dương Hoàng Đ yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung đối với bị đơn – chị Lê Ngọc Khánh L nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn và các vấn đề khác:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L thống nhất xác định anh, chị tự nguyện chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới vào ngày 16/12/2017 nhưng đến nay vẫn chưa

đăng ký kết hôn. Như vậy, việc xác lập mối quan hệ hôn nhân trên thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"*, quyết định không công nhận anh Đ và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Đ và chị L xác định không có, hiện nay chị L không có mang thai nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Đại tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung, để hai người tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Đ và chị L xác định quá trình chung sống cho đến nay, hai người không có nợ cá nhân, tổ chức nào khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – anh Dương Hoàng Đ phải chịu nghĩa vụ nộp án phí ly hôn, do anh Đ tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung nên anh Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"*;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 3 Điều 18 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận anh Dương Hoàng Đ và chị Lê Ngọc Khánh L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Đ và chị L xác định không có, hiện nay chị L không có mang thai, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Đ và chị L xác định không có, nên không xem xét.

2. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu của anh Đ về việc chia tài sản chung.

3. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn – anh Dương Hoàng Đ phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 778.500 đồng (bảy trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng) mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000338, ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, nên anh Đ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 478.500 đồng (bốn trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Đức Luân